

DỰ TRÙ VẬT TƯ THAY THẾ NĂM 2025

TÀU PTSC 12

STT	TÊN THIẾT BỊ VÀ VẬT TƯ THAY THẾ Description Material	MODEL / CÔNG SUẤT/SERIAL No	Mã số/PART NO	ĐƠN VỊ Unit	SỐ LƯỢNG Quality
A	Vật Tư thân vỏ Hull				
I	Phần sơn				
1	Sơn chống hà	SEAFORCE 90 Ligh red		Lít	25
2	Sơn chống hà	SEAFORCE 90 Dark red		Lít	25
3	Sơn phủ	Safeguard Universal ES Grey		Lít	25
4	Sơn phủ	HARDTOP AX STD138 Blue		Lít	25
5	Sơn chống rỉ	Jotacote Universal No 10 Aluminium red tone		Lít	20
6	Sơn chống rỉ	Jotacote Universal No 10 Aluminium		Lít	20
7	Sơn trắng	HARDTOP AX WHITE RAL 9003/		Lít	30
8	Đầu pha sơn	Jotun thinner 7		Lít	5
9	Đầu pha sơn	Jotun thinner 10		Lít	5
10	Đầu pha sơn	Jotun thinner 17		Lít	10
11	Sơn phủ mạn khô	HARDTOP AX - STD 257 GREEN/XANH 258		Lít	15
III	Các vật tư khác				
1	CON LĂN SƠN DÀI 20 CM			Cái	20
2	CON LĂN SƠN DÀI 05 CM			Cái	30
3	CHÓI QUÉT TAY			Cái	20
4	Dây cáp bạc loại mềm			m	100
5	Dây cáp bạc dài 1,2m có 2 đầu khuyết			m	30
6	Dây cáp bạc dài 1,5m có 2 đầu khuyết			m	30
7	Dây dù phi 10			m	200
8	Ma ni vắn đen inox 304 loại 1 tấn			Cái	30
9	Ma ni vắn đen inox 304 loại 1,5 tấn			Cái	30
10	Bạt sau che trang thiết bị boong sau lái dài 6m rộng 4m (cách 30cm có khuyết trống ri)			Cái	1
11	Bạt tủ lạnh cao 1m dài 1,3m rộng 75cm			Cái	1
12	Bạt che máy giặt cao 1m dài 80cm rộng 80cm			Cái	1
13	Đệm ngủ cho thuyền viên (dài 180 cm rộng 80cm x dày 10cm)			Cái	3
14	Đệm ngủ cho thuyền viên (dài 200cm x rộng 120cm x dày 10cm)			Cái	5
IV	PORT MAIN ENGINE CATERPILAR C18 533Kw@2100RPM(máy chính)				
1	PUMP GP-AUXILIARY SEA WATER	Model C18 .Serial Number T2R05647	440-6388	cái	1
2	PUMP GP-WATER	Model C18 .Serial Number T2R05647	377-2391	cái	1
V	AUXILIARY ENGINE CATERPILLAR C2.2 EKW: 16 @1500rpm - UK				
1	INJECTOR AS FUEL (kim phun)	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	252-1466	cái	4
2	ACTUATOR	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	230-5501	cái	1
3	WASHER	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	153-6412	cái	1
4	SWITCH-PRESS(cảm biến áp lực LO-3 chân)	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	196-7693	cái	2
5	BEARING(vòng bi bơm nước biển)	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	493-8806	cái	4
6	SEAL (phốt kin dầu nước)	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	493-8805	cái	2
7	CLIP	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	493-8807	cái	2
8	CLIP	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	493-8808	cái	2
9	SEAL (phốt kin nước)	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	493-8809	cái	2
10	SWITCH AS-TEMPERATURE (96-DEG) (WATER)(bảo nhiệt độ nước)	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	193-5150	cái	1
11	PUMP-GP (AUXILIARY SEA WATER) (bơm nước biển)	Model C2.2 .Serial Number SAJ01556	491-7734	cái	1
V	STBD GEAR BOX - Model :ZF 500(hệ số) SERIAL NUMBER:20296926 / 20296929				
1	PRESSURE Switch	Model :ZF 500(hệ số) SERIAL NUMBER:20296926 / 20296929	pressure switch MBC 5100 3421-1DB04.No:061B000366.Range:+5/+30bar/+0,5/+3P Ma:PB/MWP:45bar.AC15 =0,5A.250V/DC13=12W,1 25V(IP65)	cái	2
VI	CÁC VẬT TƯ KHÁC				
1	BULONG M4x30mm	loại INOX		Bộ	40
2	BULONG M4x50mm	loại INOX		Bộ	30
3	BULONG M6x30mm	loại INOX		Bộ	20
4	BULONG M6x50mm	loại INOX		Bộ	20
5	BULONG M8x30mm	loại INOX		Bộ	10
6	BULONG M8x50mm	loại INOX		Bộ	10
7	BULONG M10x30mm	loại INOX		Bộ	10
8	BULONG M10x50mm	loại INOX		Bộ	10
9	BULONG M12x30mm	loại INOX		Bộ	10
10	BULONG M12x50mm	loại INOX		Bộ	10
11	BULONG LỤC GIÁC M6x40mm	loại INOX		Bộ	10

12	BULONG LỤC GIÁC M8x50mm	loại INOX		Bộ	10
13	BULONG LỤC GIÁC M10x50mm	loại INOX		Bộ	10
14	BULONG M16x150mm	loại INOX		Bộ	10

